

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HC-ST

Ngày: 10-9-2020

V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai và
yêu cầu bồi thường thiệt hại do
quyết định hành chính gây ra.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Vi Vân

Ông Trần Tiến Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Thanh Lê Anh Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2019/TLST-HC ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc: “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính gây ra*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HC ngày 17/6/2020, Thông báo số 08/TB-TA ngày 17/7/2020 và Thông báo số 164/TB-TA ngày 28/7/2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1961

2. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn TT, xã TN, thành phố PT, tỉnh BT.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Minh H, sinh năm 1958; Địa chỉ liên lạc: số .../62 Trần Hưng Đạo, phường BH, thành phố PT, tỉnh BT; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố PT, tỉnh BT

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Đức T – Phó Chủ tịch; là người đại diện

theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3758/UBND-TH ngày 01/6/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lương Hoàng Q – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên – Môi trường thành phố PT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh BT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Hai – Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Đức T - Phó trưởng phòng Phòng Quản lý quỹ đất - Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh BT.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh BT.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức T - Phó trưởng phòng Phòng Quản lý quỹ đất; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 874/UQ-PTQĐ ngày 28/5/2020).

Những người tham gia tố tụng có mặt ông Võ Minh H, ông Phan Đức T, ông Lương Hoàng Q và ông Nguyễn Đức T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện - vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Bùi Thị L và người đại diện theo ủy quyền ông Võ Minh H trình bày:

Cùng ngày 28/12/2007, Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 9701/QĐ-UBND và Quyết định số 9928/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn N để xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường 706B (giai đoạn 2). Ngày 17/9/2012, Ủy ban nhân dân xã TN xác nhận hộ ông N là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Việc bồi thường, hỗ trợ đối với 02 quyết định thu hồi đất nêu trên được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện như sau:

- Đối với Quyết định số 9701/QĐ-UBND:

Ngày 14/11/2014, Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 3495/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N với số tiền 1.391.760.000đồng. Đến ngày 09/01/2015, Trung tâm phát triển quỹ đất mới chi trả tiền đền bù tỷ lệ 20% là 278.352.000đồng.

Tuy nhiên, đến ngày 14/01/2016, Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND hủy Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 14/11/2014, với lý do căn cứ pháp luật áp dụng để ban hành quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật.

Đến ngày 04/11/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất mời nhận số tiền đền bù còn lại của Quyết định số 3495/QĐ-UBND là 1.104.408.000đồng.

- Đối với Quyết định số 9928/QĐ-UBND:

Ngày 28/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 134/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N với số tiền 841.786.000đồng. Đến ngày 15/11/2013, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh mời chi trả số tiền đền bù với tỷ lệ 20% là 168.357.200đồng. Đến ngày 04/11/2019 mới chi trả hết số tiền còn lại tương ứng tỷ lệ 80% là 673.428.800đồng.

Tại đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N theo Quyết định thu hồi đất số 9701/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố PT theo quy định của pháp luật.

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT chi trả khoản tiền theo quy định của khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013, do chậm chi trả số tiền bồi thường 673.428.800đồng, do việc thu hồi đất theo Quyết định số 9928/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố PT.

3. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT bồi thường thiệt hại do thu hồi đất bị ngừng sản xuất, mất thu nhập, cụ thể là mất thu hoạch hạt điều với tổng số tiền là 215.568.000đồng.

Đến ngày 16/7/2020, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT bồi thường thiệt hại do thu hồi đất bị ngừng sản xuất, mất thu nhập, cụ thể là mất thu hoạch hạt điều với tổng số tiền là 215.568.000đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên việc rút phần yêu cầu này.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố PT trình bày ý kiến tại Công văn số 609/UBND-TH ngày 04/02/2020:

- Về nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N theo Quyết định thu hồi đất số 9701/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố PT theo quy định của pháp luật:

Ngày 28/12/2007, Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 9701/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn N để xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B (gồm diện tích 787m² thửa số 1, diện tích 6.465m² thửa số 35, diện tích 7.340m² thửa số 36 tại phường Mũi Né).

Căn cứ kết quả họp xét pháp lý phường MN, kết quả họp thẩm định của Hội

đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố PT, ngày 14/11/2014 Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 3495/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Nguyễn Văn N với tổng số tiền 1.391.760.000đồng. Tuy nhiên, do căn cứ pháp luật áp dụng để ban hành quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật, nên ngày 14/01/2016, Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND hủy Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 14/11/2014.

Sau khi hủy Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 14/11/2014, hồ sơ bồi thường của hộ ông Nguyễn Văn N đã được thông qua Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố PT kết luận việc áp dụng chính sách theo đúng quy định. Hiện nay, hồ sơ bồi thường của hộ ông Nguyễn Văn N, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh đang tham mưu trình thẩm định để ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N.

- Về nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT chi trả khoản tiền theo quy định của khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai, do chậm chi trả số tiền bồi thường 673.428.800đồng, do việc thu hồi đất theo Quyết định số 9928/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố PT:

Ngày 28/12/2007, Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 9928/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn N (thửa đất số 30 diện tích 7.347m² tại xã Thiện Nghiệp). Ngày 28/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 134/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N với tổng số tiền là 841.786.000đồng.

Về căn cứ pháp lý: quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn N tại thời điểm này áp dụng Luật đất đai năm 2003. Do đó, việc yêu cầu chi trả thêm khoản tiền do chi trả tiền bồi thường chậm theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013 là không thể áp dụng được. Vì trong trường hợp hộ ông Nguyễn Văn N quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường đã áp dụng thực hiện trước Luật đất đai năm 2013. Do đó, không có căn cứ để chi trả thêm khoản tiền chậm chi trả tiền bồi thường như yêu cầu của người khởi kiện.

- Về nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT bồi thường thiệt hại do thu hồi đất bị ngừng sản xuất, mất thu nhập, cụ thể là mất thu hoạch hạt điều với tổng số tiền là 215.568.000đồng:

Thông nhất với việc rút phần yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử theo quy định.

Ông Nguyễn Đức T là người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh BT và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh BT trình bày:

- Về nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành quyết định phê

duyet phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N theo Quyết định thu hồi đất số 9701/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố PT theo quy định của pháp luật:

Thông nhất với ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân thành phố PT. Hiện nay, hồ sơ bồi thường của hộ ông Nguyễn Văn N, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh đang tham mưu trình thẩm định để ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N.

- Về nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT chi trả khoản tiền theo quy định của khoản 2 Điều 93 Luật đất đai, do chậm chi trả số tiền bồi thường 673.428.800đồng, do việc thu hồi đất theo Quyết định số 9928/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố PT:

Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh đã có báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các trường hợp về lãi suất chi trả chậm. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương thực hiện thì Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh sẽ tham mưu thực hiện hồ sơ cho hộ ông Nguyễn Văn N theo quy định.

- Về nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT bồi thường thiệt hại do thu hồi đất bị ngừng sản xuất, mất thu nhập, cụ thể là mất thu hoạch hạt điều với tổng số tiền là 215.568.000đồng:

Thông nhất với việc rút phần yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

1. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

2. Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Vào ngày 16/7/2020, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện có đơn rút yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT bồi thường thiệt hại và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên ý kiến về việc rút yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N theo Quyết định thu hồi đất số 9701/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố PT theo quy định của pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT chi trả khoản tiền theo quy định của

khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai, do chậm chi trả số tiền bồi thường 673.428.800 đồng do việc thu hồi đất theo Quyết định số 9928/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố PT là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh BT, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là đúng quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Vào ngày 16/7/2020, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện có đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT bồi thường thiệt hại do thu hồi đất bị ngừng sản xuất, mất thu nhập, cụ thể là mất thu hoạch hạt điều với tổng số tiền là 215.568.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên ý kiến về việc rút yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy việc rút yêu cầu này của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và trong phạm vi được ủy quyền, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về trình tự, thủ tục thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn N và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính có liên quan đến hành vi hành chính bị khiếu kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Thực hiện Dự án xây dựng công trình và tạo quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B, Ủy ban nhân dân tỉnh BT đã ban hành Quyết định số 3145/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 về việc thu hồi và giao đất tổng thể xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B (giai đoạn 2) tại xã TN, phường HT, phường MN (thành phố PT). Trên cơ sở Quyết định số 3145/QĐ-UBND này, ngày 28/12/2007 Ủy ban nhân dân thành phố PT đã ban hành Quyết định số 9701/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn N (diện tích 787m² thửa số 1, diện tích 6.465m² thửa số 35, diện tích 7.340m² thửa số 36 tại phường MN) và Quyết định số 9928/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn N (thửa đất số 30 diện tích 7.347m² tại xã TN).

[2.2] Sau khi có Quyết định thu hồi đất và căn cứ kết luận của Hội đồng bồi thường:

Đối với Quyết định thu hồi đất số 9701/QĐ-UBND ngày 28/12/2007, ngày 14/11/2014 Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 3495/QĐ-

UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Nguyễn Văn N với tổng số tiền 1.391.760.000đồng. Đến ngày 14/01/2016 Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND hủy Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 14/11/2014, lý do căn cứ pháp luật áp dụng để ban hành quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Quyết định thu hồi đất số 9928/QĐ-UBND ngày 28/12/2007, ngày 28/01/2013 Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 134/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N với tổng số tiền là 841.786.000đồng.

[2.3] Xét trình tự, thủ tục thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn N và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính có liên quan đến hành vi hành chính bị khiếu kiện như trên là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 2003, Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N theo Quyết định thu hồi đất số 9701/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố PT theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi ban hành Quyết định thu hồi đất số 9701/QĐ-UBND ngày 28/12/2007, đến ngày 14/11/2014 Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành Quyết định số 3495/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Nguyễn Văn N. Tuy nhiên, đến ngày 14/01/2016 Ủy ban nhân dân thành phố PT đã ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND hủy Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 14/11/2014. Đến nay, Ủy ban nhân dân thành phố vẫn chưa ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Nguyễn Văn N theo Quyết định thu hồi đất số 9701/QĐ-UBND ngày 28/12/2007.

Do đó, yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định của Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT chi trả khoản tiền theo quy định của khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai, do chậm chi trả số tiền bồi thường 673.428.800đồng theo Quyết định thu hồi đất số 9928/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố PT:

Đối với yêu cầu này của người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố PT không đồng ý, vì quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn N tại thời điểm này áp dụng Luật đất đai năm 2003; người đại diện hợp pháp của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh BT, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh BT trình bày đang chờ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh BT.

Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo khoản 1 Điều 14 (Điều khoản chuyển tiếp) của Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định “1. Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 chưa thực hiện chi trả bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014”.

Đối với trường hợp của hộ ông Nguyễn Văn N, theo Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc phê duyệt phương án bồi thường, với tổng số tiền là 841.786.000đồng, nhưng đến ngày 15/11/2013, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh mới mời hộ ông Nguyễn Văn N đến nhận tiền, nhưng chỉ nhận 168.357.200đồng/841.786.000đồng, số tiền còn lại đến ngày 04/11/2019 Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh mới chi trả xong.

Như vậy, theo quy định tại điều khoản chuyển tiếp được trích dẫn trên của Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 thì trường hợp của hộ ông Nguyễn Văn N đối với khoản tiền thanh toán thêm do chi trả chậm phải áp dụng Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013 để xem xét xử lý, nên người khởi kiện đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013 để yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT thanh toán thêm khoản tiền do chậm chi trả số tiền bồi thường 673.482.800đồng là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị L, do ông Võ Minh H đại diện là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị L được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố PT phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị L đã nộp được hoàn lại cho ông N, bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều

32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 69, khoản 2 Điều 93, khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 14 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT bồi thường thiệt hại do thu hồi đất bị ngừng sản xuất, mất thu nhập, cụ thể là mất thu hoạch hạt điều với tổng số tiền là 215.568.000đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện – ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị L, do ông Võ Minh Hùng đại diện:

2.1. Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc không ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N theo Quyết định thu hồi đất số 9701/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố PT là trái pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên và thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2.2. Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố PT về việc không thanh toán thêm cho hộ ông Nguyễn Văn N một khoản tiền do chậm chi trả khoản tiền bồi thường 673.482.800đồng theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 134/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố PT là trái pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên và thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

3.1. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PT phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị L 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003570 ngày 27/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- Cục THADS tỉnh B.Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, THC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái